TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2017
"Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Mỹ
2. Ông Trần Văn Giữ

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long** *tham gia phiên tòa*: Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXX- ST, ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Minh T, sinh năm 1981 nơi cư trú: Tổ 03, ấp L, xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có luật sư Lê Văn Bé - Công ty luật TNHH MTV Cửu Long - Thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Ngô Hồng H, sinh năm 1980 nơi cư trú: Tổ 03, ấp L, xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.(Có mặt)

Con chưa thành niên: Cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 06/02/2001 nơi cư trú: Tổ 03, ấp L, xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 11/8/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đặng Thị Minh T trình bày:

Vào năm 2000 chị T và anh H do mai mối dẫn đến hôn nhân, có tổ chức lễ nói, lễ cưới theo phong tục ở địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2001. Nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 05 phân vàng trắng, 01 sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24k, 02 tấm lắc 10 chỉ vàng 24k. Hiện tại số vàng cưới này vợ chồng đã bán dùng trong sinh hoạt gia đình hết 2 lượng vàng còn lại đôi bông tai chị T đang quản lý.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc có với nhau 02 con chung tên Ngô Quốc T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2001 và cháu Ngô Quốc M, sinh ngày 23/7/2011, hiện con chung đang sống với chị T. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung, không nợ chung và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không tìm hiểu nhau trước nên không hợp tính tình, không cùng quan điểm nên vợ chồng hay cự cải nhau, chị T và anh H không hợp tính tình, chị không chịu được tính tình của anh H do anh H đồng ý việc gì hay không đồng ý đều không nói gì, chị nói gì anh H không trả lời, chị chịu đựng lâu ngày vì bực tức nên bị trầm cảm, sau khi cưới khoảng 1 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến nay, mâu thuẫn trầm trọng nhất là năm 2014. Khi chị ôm đau thì anh H cũng không quan tâm chăm sóc chị, chị một mình đi trị bệnh, chị T xác định ngoài mâu thuẫn nêu trên anh H trình bày giữa anh chị còn có mâu thuẫn kinh tế là đúng. Chị đã xin ly hôn anh H hai lần, lần đầu năm 2015 chị xin ly hôn anh H Tòa án nhân dân huyện Bình Tân không chấp nhận cho ly hôn anh H tại bản án số 28/2015/HNGĐ-ST ngày 29/5/2015, lần hai chị xin ly hôn anh H vào tháng 11 năm 2016 nhưng sau đó thì chị rút đơn kiện do vợ chồng thỏa thuận đợi cháu T học lớp 12 sẽ giải quyết nên Tòa án huyện Bình Tân đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 25/2016/QĐST-HNGĐ ngày 17/11/2016. Chị T xác định năm 2015 thì anh chị đã sống ly thân và sau khi bị Tòa án bác đơn xin ly hôn thì chị và anh H vẫn tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Do đó, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung, chị không còn tình cảm với anh H nên chị cương quyết xin ly hôn anh H.

Về con chung: Cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2001 và cháu Ngô Quốc M, sinh ngày 23/7/2011 hiện đang sống với chị T. Chị T đồng ý giao cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 06/02/2001 cho anh H nuôi dưỡng, chị không

cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Ngô Quốc M sinh ngày 23/7/2011, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Năm 2015 sau khi Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T thì mẹ chị T thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng chị và anh H được nên đã cho anh H số vốn để anh H về xã TQ, huyện BT làm ăn riêng nên về quan hệ tài sản không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

** Ý kiến trình bày của bị đơn anh H:*

Anh H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn chị T về hôn nhân, con chung, về mâu thuẫn vợ chồng thì anh không đồng ý vì theo anh giữa anh và chị T cũng có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Về việc T cho rằng anh nín thin không nói gì là do anh, chị sống chung với gia đình bên vợ anh không muốn cự cải với T nên anh không trả lời T, về thời gian sống ly thân từ năm 2015 sau khi Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của T thì anh chị vẫn sống ly thân cho đến nay là đúng. Ngoài mâu thuẫn T trình bày theo anh thì còn mâu thuẫn kinh tế do khi cha anh bệnh anh lấy tiền lo cho cha thì vợ chồng có cự cải. Anh còn tình cảm với T nên không đồng ý ly hôn, tùy Tòa án xem xét giải quyết vấn đề hôn nhân theo quy định pháp luật. Về con chung nếu Tòa cho T và anh ly hôn thì anh tôn trọng ý kiến cháu T và đồng ý nuôi cháu T không yêu cầu T cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý để T tiếp tục nuôi cháu M, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản anh thống nhất với ý kiến trình bày của T không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến trình bày của cháu T: Tại bản khai ngày 30/8/2017 cháu T có ý kiến muốn sống với cha.

* Ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Chị T và anh H mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ năm 2014 cho đến nay. Tòa án đã bác đơn khởi kiện xin ly hôn anh H chủa chị T năm 2015 nhưng sau đó vợ chồng vẫn không thể chung sống lại được với nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị T ly hôn anh H. Về con chung cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 06/02/2001 và cháu Ngô Quốc M, sinh ngày 23/7/2011, anh H và chị T thỏa thuận thống nhất chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H nuôi dưỡng cháu T, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu T là mong muốn được sống với cha cho nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh chị. Về quan hệ tài sản thống nhất không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết ly hôn anh Ngô Hồng H cư trú tại tổ 03, ấp L, xã TL, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân chị Đặng Thị Minh T và anh Ngô Hồng H có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2001 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của chị Đặng Thị Minh T xin ly hôn anh Ngô Hồng H hoàn toàn có cơ sở, bởi vì về mâu thuẩn vợ chồng giữa chị T và anh H là trầm trọng, vợ chồng có thời gian sống ly từ năm 2015 cho đến nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh H nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Bình Tân không chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh H nhưng từ năm 2015 đến nay anh chị vẫn sống ly thân, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đặng Thị Minh T được ly hôn với anh Ngô Hồng H.

[3] Về con chung: Cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 06/02/2001 và cháu Ngô Quốc M, sinh ngày 23/7/2011, anh H và chị T thỏa thuận thống nhất chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H nuôi dưỡng cháu T, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu T là mong muốn được sống với cha cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh, chị.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Đặng Thị Minh T và anh Ngô Hồng H thống nhất không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Đặng Thị Minh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Minh T đối với anh Ngô Hồng H. Cho chị Đặng Thị Minh T ly hôn với anh Ngô Hồng H.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2001 cho anh Ngô Hồng H nuôi dưỡng, chị Đặng Thị Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Ngô Quốc M, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2011 cho chị Đặng Thị Minh T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Ngô Hồng H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Đặng Thị Minh T và anh Ngô Hồng H thống nhất không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Đặng Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0011865 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị Đặng Thị Minh T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND.H Bình Tân;
- Chi cục THADS.H Bình Tân;
- UBND xã ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm